

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 197/2023/HNGĐ - ST
Ngày 28 - 8 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Ông **Đỗ Thanh Tú**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M** – sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng E** – sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 6 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng E tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2011, ngày 20/5/2011. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Hoàng E đánh chị và chị dắt con về ở với cha mẹ ruột, anh Hoàng E đến nhà cha mẹ chị cầm dao đe dọa chị, anh chị bất đồng về quan điểm sống, thường

xuyên cự cãi. Mặc dù, anh chị và hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng E.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Hoàng Kh, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2006 và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2013, hiện nay do chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kh và cháu L, chị không yêu cầu anh Hoàng E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Hoàng E đã được Toà án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án theo giấy triệu tập và cũng không gửi cho Toà án văn bản ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị M nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Hoàng E. Khi khởi kiện anh Hoàng E cư trú tại ấp Thị Tường, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Hoàng E đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng E theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị M và anh Hoàng E tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2011, ngày 20/5/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của chị M về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị M và anh Hoàng E, chị M yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng E. Anh Hoàng E đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối vkkkới yêu cầu khởi kiện của chị M. Xét thấy, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị M và anh Hoàng E mâu thuẫn trầm trọng, đã

không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị M yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng E là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị M và anh Hoàng E có hai con chung là Nguyễn Hoàng Kh, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2006 và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2013. Hiện nay, các con chung đang sống với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kh và cháu L. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Hoàng E không có ý kiến gì về yêu cầu của chị M và hiện tại cháu Kh và cháu L đang được chị M nuôi dưỡng. Đồng thời, tại biên bản làm việc của Tòa án cháu Kh và cháu L có nguyện vọng sống với chị M. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được nuôi con chung là cháu Kh và cháu L của chị M là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh và cháu L nên được chấp nhận. Giao cháu Nguyễn Hoàng Kh, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2006 và cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2013 cho chị M tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Anh Hoàng E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh Hoàng E cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Nguyễn Hoàng E. Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng E.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Kh, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2006 và cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Hoàng E không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hoàng E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009204 ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm